KẾT QUẢ PHÚC TRA BÀI THI CUỐI KỲ HỌC KỲ 142 ĐỢT03
(Cập nhật ngày 21/07/2015)

STT	Mssv	Hoten	Msmh	Tenmh	Nhom	To	KQ phúc tra
1	12824803	Nguyễn Vũ Bằng	210006	Thiết bị trao đổi nhiệt	A02	B	5
2	21000603	Bùi Thọ Đạt	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	A16	A	4
3	21200126	Võ Tuấn Anh	210008	Kỹ thuật cháy	A01	A	4
4	21202108	Nguyễn Văn Mạnh	210008	Kỹ thuật cháy	A01	A	4.5
5	21202127	Hoàng Đình Minh	210008	Kỹ thuật cháy	A01	A	4.5
6	21202244	Lý Nhật Nam	210008	Kỹ thuật cháy	A01	A	4.5
7	21202712	Hoàng Văn Phong	210008	Kỹ thuật cháy	A01	A	4.5
8	21203809	Đỗ Việt Tiến	202047	Kỹ thuật chế tạo 2	A02	B	4
9	21300048	Đào Đình Anh	209037	Vẽ Cơ Khí	L01	A	8
10	21301128	Nguyễn Văn Hậu	209017	Nguyên lý máy	L01	A	8.5
11	21301824	Nguyễn Tấn Khiêm	201707	Cơ học vật rắn & sóng cơ	P01	A	4
12	21302409	Lê Thanh My	402001	Kỹ thuật điện tử C	L03	B	3.5
13	21303237	Võ Trung Quân	006001	Giải tích 1	DT01	AA	2
14	40902639	Đỗ Đình Thọ	409107	SCADA	A01	A	4
15	41002868	Trần Minh Tâm	405104	Anten truyền sóng	A01	A	5
16	41104476	Huỳnh Văn Khương	409109	Đo lường đk bằng mtính	A03		7
17	41200963	Nguyễn Quang Hải	405004	Mạch điện tử nâng cao	TNDD		7
18	41300095	Nguyễn Đặng Việt Anh	404001	Tín hiệu & hệ thống	L06	A	5
19	41301348	Nguyễn Viết Hoàng	201707	Cơ học vật rắn & sóng cơ	P01	A	6
20	41301815	Phan Quang Khải	404001	Tín hiệu & hệ thống	L05	A	7.5
21	41303953	Lê Hoàng Thông	404001	Tín hiệu & hệ thống	L06	B	6
22	51003078	Lê Chí Thắng	405023	Mạch điện tử 1	A01	A	4.5
23	51201376	Nguyễn Quang Huy	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	A12		3.5
24	60902701	Lê Duy Thụ	605067	Truyền khối A	DT01	A	5
25	610T0008	Nguyễn Thị Ngọc Anh	700212	Quản lý sản xuất cho Ksư	A04		5
26	61200517	Nguyễn Ngọc Dung	607016	Công nghệ lên men	A01	A	3.5
27	61300523	Hồ Ngọc Diệu	602048	Hóa lý 2	L02	A	5.5
28	61302709	Nguyễn Jo Thành Nhân	602048	Hóa lý 2	L02	B	7.5
29	61304875	Hoàng Khánh Vũ	602048	Hóa lý 2	TNHC		7
30	81001751	Đàm Văn Nhật Long	810002	Bản đồ học đại cương	L01	A	4.5
31	81002625	Nguyễn Văn Quân	806002	Vẽ kỹ thuật 1B	DT01		4.5
32	81103454	Nguyễn Văn Thọ	810102	Viễn thám	A01	A	8
33	81300525	Lâm Quang Diệu	810002	Bản đồ học đại cương	L01	A	4
34	81302014	Nguyễn Hải Lâm	809016	Cơ kết cấu 1	L03	A	4.5
35	81303679	Nguyễn Thanh Thành	810020	Trắc địa đại cương	L01	B	3.5
36	91302542	Nguyễn Trung Nghĩa	006023	Phương pháp tính	L05	B	4
37	91302656	Trương Đức Khôi Nguyên	006023	Phương pháp tính	L05	B	1.5
38	91304083	Nguyễn Huỳnh Thủy Tiên	006023	Phương pháp tính	L05	B	2
39	G1200114	Trần Tuấn Anh	206113	Th/kế động cơ đốt trong	A01	A	5.5
40	G1202609	Phạm Nhuệ	201707	Cơ học vật rắn & sóng cơ	P01	B	4

41	G1300180	Hà Ngọc Ân	809026	Sức bền vật liệu 1	L02	A	2
42	G1301417	Đặng Quốc Huân	210015	Truyền nhiệt	L02	A	2
43	G1302129	Đinh Hà Long	201707	Cơ học vật rắn & sóng cơ	P02		4
44	V1002226	Lê Nghĩa Nhân	602046	Hóa lý kỹ thuật	L02	A	2.5
45	V1203281	Đào Nhật Tân	215020	Kim loại học	L02	B	8
46	V1203288	Lê Thành Tân	215020	Kim loại học	L02	B	7